

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. GIỚI THIỆU:

- Tên dự án: Tư vấn lập Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 và Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Vị trí xây dựng: Trên địa bàn TP. Cần Thơ.

- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

- Lựa chọn Nhà thầu tư vấn lập kế hoạch có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện tốt các công tác Tư vấn lập Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030 và Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo các tiêu chí của E-HSMT.

- Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp tỉnh làm cơ sở triển khai, chỉ đạo, chỉ huy trong công tác ứng phó thiên tai trên phạm vi toàn thành phố Cần Thơ sau sáp nhập.

*** Mục tiêu cụ thể**

- Nhận định tình hình thiên tai trên địa bàn thành phố; Xác định các loại hình thiên tai chủ yếu, mức độ ảnh hưởng, khu vực trọng điểm; Phân loại cấp độ rủi ro thiên tai (từ cấp 1 đến cấp 5) đối với từng loại thiên tai.

- Xác định tình trạng dễ bị tổn thương; Đánh giá thực trạng rủi ro thiên tai và khả năng ứng phó của địa phương; Đề xuất các giải pháp phòng chống thiên tai phù hợp với tình hình địa phương;

- Xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn thành phố trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật. Huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực đầu tư, nâng cao hiệu quả phối hợp đa ngành, đa cấp trong công tác phòng, chống thiên tai;

- Xây dựng phương án ứng phó chi tiết theo từng cấp độ, xác định lực lượng, phương tiện, nguồn lực huy động.

- Thiết lập cơ chế phối hợp trong chỉ huy, thông tin báo cáo, cảnh báo và huy động nguồn lực khi có thiên tai xảy ra.

- Đề xuất các giải pháp công trình và phi công trình phù hợp với điều kiện thực tế; Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực và truyền thông cộng đồng.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC:

1. Xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2026-2030

Kế hoạch phòng chống thiên tai của thành phố được xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2021/TT-BNTPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp tại địa phương, gồm các nội dung chính như sau:

1.1. Xây dựng nội dung về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng của thành phố

a) Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội:

- Đặc điểm dân sinh gồm tổng dân số, mật độ, phân bố dân cư, đối tượng dễ bị tổn thương, dân tộc thiểu số, tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, số hộ nằm trong vùng có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai cần phải di dời; đặc điểm nhà ở (kiên cố, bán kiên cố, thiếu kiên cố, đơn sơ) và phân bố theo đơn vị hành chính cấp huyện; trình độ văn hóa, giáo dục, y tế, đặc điểm dân tộc, tập quán.

- Đặc điểm kinh tế - xã hội gồm các ngành kinh tế chủ yếu bị ảnh hưởng bởi thiên tai (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ), định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Đặc điểm cơ sở hạ tầng:

Thông kê, đánh giá chung về cơ sở hạ tầng chủ yếu trong phạm vi quản lý, bao gồm: Hệ thống giao thông, thủy lợi, phòng, chống thiên tai; mạng lưới điện, hệ thống thông tin liên lạc, phát thanh, truyền hình; hệ thống tiêu thoát nước, cấp nước sạch, xử lý môi trường; hệ thống trường học, bệnh viện, khu công nghiệp; đường cứu hộ, cứu nạn và cơ sở hạ tầng khác. Nội dung thông kê, đánh giá chung toàn thành phố.

1.2. Đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai

Phân tích, đánh giá về các nội dung:

a) Về hệ thống văn bản pháp luật và hệ thống chỉ huy PCTT, công tác dự báo cảnh báo:

- Về hệ thống văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến phòng, chống thiên tai: Đánh giá mức độ thực hiện pháp luật, các cơ chế, chính sách; kế hoạch đảm bảo nguồn lực và các điều kiện hoạt động cho Ban chỉ huy phòng thủ dân sự làm công tác phòng, chống thiên tai.

- Về hệ thống chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, quy chế phối hợp: Mô tả tổ chức bộ máy của Ban Phòng thủ dân sự; nguồn nhân lực, năng lực của lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm về phòng, chống thiên tai của cơ quan phòng, chống thiên tai các cấp; cơ sở vật chất, trang thiết bị tại cơ quan phòng, chống thiên tai thành phố; quy định về phân công nhiệm vụ các thành viên, quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

- Công tác dự báo, cảnh báo sớm: Đánh giá hiện trạng công tác dự báo, cảnh báo sớm tại địa phương thông qua cơ quan trung ương, cơ quan dự báo khí tượng thủy văn và các cơ quan có trách nhiệm dự báo, cảnh báo trong thành phố,

khu vực về mức độ chi tiết, độ tin cậy, tính đầy đủ, liên tục, kịp thời, dễ hiểu và các công cụ truyền tin.

b) Về vật tư phương tiện, trang thiết bị, công tác ứng phó và tìm kiếm cứu nạn:

- Thống kê, đánh giá hiện trạng, danh mục, số lượng, chất lượng, địa điểm dự trữ, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý trên địa bàn thành phố. Đánh giá chung về cơ chế quản lý và sử dụng, khả năng đáp ứng hiện tại và nhu cầu trong tương lai.

- Đánh giá năng lực của các lực lượng nòng cốt trong ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố; sự tham gia của các tổ chức, cá nhân dân sự khác. Nội dung đánh giá bao gồm: số lượng, năng lực, trang thiết bị, phương tiện của lực lượng này.

c) Thông tin truyền thông về PCTT và năng lực và nhận thức cộng đồng:

- Đánh giá hiện trạng hệ thống thông tin, truyền thông tại địa phương; các phương thức thông tin, tuyên truyền về công tác phòng, chống thiên tai. Đánh giá năng lực ứng dụng và quản lý cơ sở dữ liệu phòng, chống thiên tai tại địa phương.

- Đánh giá chung về nhận thức, kỹ năng ứng phó thiên tai của cộng đồng và công tác tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực trong phòng, chống thiên tai tại địa phương.

d) Cơ sở hạ tầng PCTT và nguồn lực tài chính phục vụ công tác PCTT:

- Đánh giá hệ thống công trình phòng, chống thiên tai (trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai, công trình đê điều, chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn, chống sạt lở, chống sụt lún đất, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, nhà kết hợp sơ tán dân...); hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình; hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn.

- Đánh giá về nguồn lực tài chính thực hiện công tác phòng, chống thiên tai ở địa phương: Ngân sách chi thường xuyên, ngân sách chi đầu tư phát triển, dự phòng ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính, nguồn vốn ODA, nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, Quỹ phòng, chống thiên tai và các nguồn hợp pháp khác...

đ) Đánh giá việc thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội: Hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành; kết quả thực hiện lồng ghép, thuận lợi và khó khăn.

e) Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai:

Hiện trạng công tác hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai (đánh giá về việc thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất nhu cầu); kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ và sử dụng nguồn lực hỗ trợ khẩn cấp để sửa chữa cơ sở hạ

tăng, ổn định cuộc sống, sinh kế bền vững; thực hiện các dự án ổn định dân cư vùng thiên tai (nếu có).

1.3. Đánh giá tình hình thiên tai và xác định rủi ro thiên tai

a) Đánh giá về tình hình thiên tai: Xác định loại hình thiên tai thường gặp tại địa phương, khu vực ảnh hưởng, thiệt hại do thiên tai trong khoảng 5 - 10 năm gần nhất.

b) Đánh giá rủi ro thiên tai và mức độ ảnh hưởng đối với từng loại hình thiên tai:

- Phạm vi đánh giá: về không gian và thời gian
- Nội dung đánh giá: Đánh giá cường độ của từng loại hình thiên tai diễn hình tại địa phương dựa vào quy định về cấp độ rủi ro thiên tai dựa vào số liệu thực tế ở địa phương; đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các đối tượng chịu tác động như: con người, nhà ở, một số ngành kinh tế chính, cơ sở hạ tầng;

1.4. Phân tích nguyên nhân, đề xuất nội dung, giải pháp phòng chống thiên tai

- Đề xuất các giải pháp phi công trình về phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro trong phòng chống thiên tai (thể chế chính sách; nâng cao năng lực cộng đồng, truyền thông ...);
- Đề xuất các giải pháp về đầu tư xây dựng công trình PCTT, công trình dự báo cảnh báo trong PCTT.

1.5. Xác định nguồn lực và tiến độ thực hiện kế hoạch

- Xác định nguồn nhân lực, nguồn tài chính thực hiện kế hoạch PCTT giai đoạn 2026-2030 và lập tiến độ triển khai thực hiện hàng năm và 05 năm.

1.6. Xác định trách nhiệm của các tổ chức cá nhân trong việc thực hiện kế hoạch

- Xác định trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong triển khai thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai và việc phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch PCTT giai đoạn 2026-2030 giữa các bên liên quan.

2. Xây dựng Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

Phương án ứng phó thiên tai được xây dựng theo hướng dẫn tại Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo từng cấp độ rủi ro thiên tai đã được Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-TW/PCTT ngày 18/2/2020. Bao gồm các nội dung chính sau:

Phân tích số liệu, xác định cấp độ rủi ro thiên tai, phân tích, đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực PCTT theo cấp độ rủi ro thiên tai (RRTT) trên địa bàn thành phố

- Phân tích, đánh giá tình hình thiên tai trên địa bàn thành phố;
- Phân tích, đánh giá năng lực ứng phó thiên tai;

- Phân tích, đánh giá và xác định tình trạng dễ bị tổn thương trên địa bàn thành phố;

- Phân tích, xác định cấp độ RRTT đối với từng loại hình thiên tai.

2.2. Xây dựng các phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai đối với một số thiên tai điển hình thường xảy ra trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Bão/ATNĐ; Hạn hán, xâm nhập mặn; Sạt lở đất; Lũ, ngập lụt)

Ứng với mỗi loại thiên tai/nhóm thiên tai cần xác định, xây dựng các nội dung sau:

- (i) Thời điểm ứng phó;

- (ii) Các kịch bản ứng phó thiên tai;

- (iii) Phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó;

- (iv) Nội dung ứng phó theo từng kịch bản (Công tác chỉ đạo, chỉ huy, điều hành ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; công tác huy động lực lượng và phương tiện tại chỗ; công tác vật tư, hậu cần tại chỗ; phương án sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất; bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc...).

2.2.1 Bão/ATNĐ

a) Xác định thời điểm ứng phó với bão, ATNĐ

Khi có tin bão (ATNĐ) cần xác định thời điểm ứng phó, gồm:

- Tin bão (ATNĐ) gần biển Đông di chuyển nhanh, có khả năng gây nguy hiểm cho các hoạt động trên biển Đông.

- Tin bão (ATNĐ) trên biển Đông.

- Tin bão (ATNĐ) gần bờ.

- Tin bão khẩn cấp (bão đổ bộ vào đất liền).

- Tin bão (ATNĐ) trên đất liền.

- Tin cuối cùng về bão (ATNĐ).

b) Xác định các kịch bản ứng phó với bão

Căn cứ vào diễn biến thiên tai đã xảy ra để giả định các kịch bản về bão và ATNĐ có thể xảy ra trên địa bàn quản lý. Có thể xảy ra các kịch bản về bão (ATNĐ) như sau:

Kịch bản về: Bão, ATNĐ gần Biển Đông (Chưa có rủi ro thiên tai) di chuyển nhanh và có khả năng gây nguy hiểm cho các hoạt động trên biển Đông.

Kịch bản về: Bão, ATNĐ trên biển đông, có gió mạnh 8-15 (Rủi ro thiên tai cấp 3).

Kịch bản về: Bão, ATNĐ ở vùng ven bờ cấp 8-11 (Rủi ro thiên tai cấp 3).

Kịch bản về: Bão, ATNĐ vùng đất liền gió bão mạnh cấp 8-15 (Rủi ro thiên tai cấp 4).

Kịch bản ứng phó với bão mạnh, siêu bão (Rủi ro thiên tai cấp 5).

c) Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó: Xác định đối tượng/phạm vi ảnh hưởng theo từng kịch bản và từng thời điểm ứng phó.

d) Nội dung ứng phó theo từng kịch bản, dự kiến các kịch bản:

- Kịch bản 1: Bão (ATNĐ) gần Biển Đông, di chuyển nhanh, có xu hướng đi vào biển Đông (chưa có RRTT);

- Kịch bản 2: Khi có Bão, ATNĐ có rủi ro thiên tai cấp 3: Khi bão/ATNĐ dự báo ở cấp 6-9;

- Kịch bản 3: Khi có bão (ATNĐ) có rủi ro thiên tai cấp 4: Khi bão/ATNĐ dự báo ở cấp 10-11 (bão mạnh);

- Kịch bản 4: Khi có bão có rủi ro thiên tai cấp 5: Khi bão/ATNĐ dự báo ở cấp 12 trở lên (12-15: bão rất mạnh; cấp 16 trở lên: siêu bão).

2.2.2. Hạn hán, xâm nhập mặn

a) Xác định thời điểm ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn:

- Thời gian thiếu hụt lượng mưa từ 2 đến 6 tháng và độ mặn ăn sâu vào cửa sông từ 25-50km;

- Thời gian thiếu hụt lượng mưa từ 3- 6 tháng, thiếu hụt nguồn nước từ 50-70% và khoảng cách xâm nhập từ cửa sông trên 50km;

- Thời gian thiếu hụt lượng mưa trên 3-6 tháng, lượng nước thiếu hụt trên 50%.

b) Xác định các kịch bản ứng phó với hạn hán xâm nhập mặn:

Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn để xây dựng các kịch bản ứng phó, trong đó cần giả định các tổ hợp bất lợi đối với loại hình thiên tai này, nhất là thời gian thiếu hụt lượng mưa kéo dài nhiều tháng, mực nước ở các hồ chứa và các sông, suối đang ở mức rất thấp, triều cường dâng cao; thiếu hụt lượng nước mưa.

c) Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó: Xác định đối tượng/phạm vi ảnh hưởng theo từng kịch bản và từng thời điểm.

d) Nội dung ứng phó theo từng kịch bản, dự kiến gồm:

- Kịch bản 1 - Rủi ro thiên tai cấp độ 1-2: Thời gian thiếu hụt lượng mưa từ 2 đến 6 tháng và độ mặn ăn sâu vào cửa sông từ 25-50km hoặc thời gian thiếu hụt lượng mưa từ 3- 6 tháng, thiếu hụt nguồn nước từ 50-70% và khoảng cách xâm nhập từ cửa sông trên 50km.

- Kịch bản 2 - Rủi ro thiên tai cấp độ 3-4: Thời gian thiếu hụt lượng mưa trên 3-6 tháng, lượng nước thiếu hụt trên 50%.

2.2.3. Sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

a) Xác định thời điểm ứng phó sạt lở, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy:

- Khi sạt lở có Rủi ro thiên tai cấp 1.
- Khi sạt lở đất có Rủi ro thiên tai cấp 2.
- Khi sạt lở đất có rủi ro thiên tai cấp 3.

b) Xác định các kịch bản ứng phó với sạt lở:

Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình mưa lũ thực tế đã xảy ra để xây dựng các kịch bản có thể xảy ra sạt lở đất ứng với các cấp độ rủi ro. Khi xây dựng các kịch bản, cần giả định các tổ hợp bất lợi đối với loại hình thiên tai này.

c) Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó: Xác định đối tượng/phạm vi ảnh hưởng theo từng kịch bản và từng thời điểm.

d) Nội dung ứng phó theo từng kịch bản, dự kiến các kịch bản sau:

- Kịch bản 1 - Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Thời gian mưa trước đó từ 1-2 ngày, lượng 24h mưa từ 100-200mm, vùng có nguy cơ ảnh hưởng cao và rất cao; hoặc thời gian mưa trước đó trên 2 ngày, lượng mưa 24h trên 400mm, vùng có nguy cơ ảnh hưởng trung bình;

- Kịch bản 1 - Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Thời gian mưa trước đó trên 2 ngày, lượng mưa 24h trên 200 - 400mm và vùng nguy cơ ảnh hưởng rất cao hoặc lượng mưa 24h trên 200mm và vùng nguy cơ ảnh hưởng cao và rất cao.

2.2.4. Lũ, ngập lụt

a) Xác định thời điểm ứng phó với Lũ và ngập lụt:

- Tin cảnh báo lũ ở mức Báo động 2-3 ở một số hạ lưu sông.
- Tin cảnh báo lũ trên mức Báo động 3 ở một số lưu vực sông; cảnh báo ngập lụt ở một số khu vực.
- Tin cảnh báo lũ lịch sử, mức độ ngập lụt cao.
- Tin cảnh báo lũ vượt mức lịch sử; mức độ ngập lụt lớn.

b) Xác định các kịch bản ứng phó với lũ, ngập lụt:

Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo và tình hình lũ, ngập lụt đã xảy ra ở địa phương để xây dựng các kịch bản do lũ, ngập lụt có thể xảy ra. Từ đó sẽ xây dựng các phương án phòng tránh và ứng phó đối với lũ, ngập lụt. Khi xây dựng các kịch bản, cần giả định các tổ hợp bất lợi đối với loại hình thiên tai này.

Khi xây dựng kịch bản đối với loại thiên tai này cần giả định các mốc thời gian bị ngập lụt, số ngày bị ảnh hưởng bởi lũ và ngập lụt (Vì đây là yếu tố quan trọng để xác định các phương án, biện pháp ứng phó và phân phối huy động lực lượng, phương tiện và hậu cần để ứng phó với loại hình thiên tai này).

c) Xác định phạm vi ảnh hưởng và phương án ứng phó: Xác định đối tượng/phạm vi ảnh hưởng theo từng kịch bản và từng thời điểm.

d) Nội dung ứng phó theo từng kịch bản, dự kiến các kịch bản:

- Kịch bản 1 - Rủi ro thiên tai cấp độ 1 (Báo động 1 đến dưới Báo động 2)
- Kịch bản 2 - Rủi ro thiên tai cấp độ 2 (Báo động 2 đến dưới Báo động 3 + 1.0 m)
- Kịch bản 2 - Rủi ro thiên tai cấp độ 3 (Báo động 3 + 1m trở lên)

2.3. Xác định trách nhiệm các bên liên quan, nguồn vật tư, phương tiện trong ứng phó thiên tai:

- Xác định trách nhiệm các bên liên quan trong ứng phó thiên tai.
- Xác định vật tư, phương tiện trong ứng phó thiên tai.

3. Tổng hợp, biên tập nội dung Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2026-2030 và Phương án ứng phó thiên tai:

Tổng hợp các nội dung và các giải pháp đã đề xuất, biên tập Dự thảo Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2026-2030 và Phương án ứng phó thiên tai theo từng cấp độ rủi ro thiên tai thành phố Cần Thơ.

4. Xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai

- Xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai của địa phương phù hợp với bản đồ hành chính các cấp của địa phương.

- Bản đồ cần thể hiện các thông tin:

+ Các khu vực trọng điểm thường xuyên xảy ra thiên tai; mô tả mức độ rủi ro đối với từng loại hình thiên tai bằng các màu khác nhau theo quy định (màu xanh dương nhạt: rủi ro nhỏ, màu vàng nhạt: rủi ro trung bình, màu da cam: rủi ro lớn, màu đỏ: rủi ro rất lớn và màu tím: thảm họa).

+ Xác định các vùng dự kiến phải sơ tán; Xác định các địa điểm, vị trí sơ tán đến; Xác định vị trí trọng điểm, xung yếu của các công trình, cơ sở hạ tầng quan trọng cần phải được bảo vệ; Xác định vị trí, địa điểm tập kết các nguồn lực sẽ được huy động; Xác định các tuyến đường huyết mạch giữa các thôn/xã.

Gồm các nội dung công việc:

- Tổng hợp thông tin vùng rủi ro thiên tai đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn thành phố;

- Biên tập các trường thông tin định dạng phù hợp để đưa lên bản đồ;

- Nhập dữ liệu, trường thông tin lên bản đồ;

- Hoàn thiện bản đồ.

5. Tổ chức họp tham vấn ý kiến, hoàn thiện sản phẩm

Sau khi hoàn thiện bản dự thảo kế hoạch và sơ họa bản đồ, tổ chức 01 cuộc họp tham vấn ý kiến các đơn vị liên quan trên địa bàn thành phố Cần Thơ cho bản dự thảo. Tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa hoàn thiện sản phẩm.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai năm 2020;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phòng chống thiên tai;

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều;

- Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai ban hành sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư 02/2021/TT-BNTPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp tại địa phương;

- Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội;

- Nghị Quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025;

- Nghị Quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

- Thông tư 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

- Công văn số 199/UBND-KT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai phù hợp với tình hình của địa phương và chính quyền 2 cấp;

- Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ;

- Công văn số 2470/UBND-KT ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lập Kế hoạch phòng, chống thiên tai 05 năm, giai đoạn 2026 – 2030 và Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai thành phố Cần Thơ.

IV. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Báo cáo

- Báo cáo định kỳ: Định kỳ báo cáo vào sáng thứ 2 hàng tuần.
- Báo cáo hàng tháng: Trong quá trình thực hiện đơn vị tư vấn thực hiện báo cáo tiến độ triển khai vào ngày 25 hàng tháng.
- Báo cáo đột xuất: Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư; báo cáo trong các kỳ họp; báo cáo giải trình kết quả.
- Báo cáo những phát sinh ngoài hợp đồng và chỉ được thực hiện khi có văn bản đồng ý của chủ đầu tư.
- Kết thúc mỗi bước công việc đơn vị tư vấn cần xây dựng báo cáo hoàn thành gửi chủ đầu tư để thực hiện công tác giám sát, đôn đốc, kiểm tra và nghiệm thu.

2. Thời gian, tiến độ thực hiện

- **Thời gian thực hiện:** 60 ngày.
- **Tiến độ báo cáo:** Nhà thầu phải báo cáo Bên mời thầu, chủ đầu tư về kết quả thực hiện theo từng bước công việc cụ thể và phải cung cấp tài liệu sản phẩm và cử nhân sự để phục vụ kiểm tra, nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

3. Sản phẩm giao nộp

Bao gồm số lượng theo yêu cầu Chủ đầu tư, mỗi bộ gồm:

- Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2026 – 2030 thành phố Cần Thơ.
- Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai thành phố Cần Thơ.
- Bản đồ rủi ro thiên tai thành phố Cần Thơ.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

1. Yêu cầu đối với kỹ sư của Tư vấn:

- Điều kiện là Nhân sự tham gia phải theo các yêu cầu trình bày trong Chương 3 – Tiêu chuẩn đánh giá;
- Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, các nhân sự của Tư vấn phải bắt đầu thực hiện các dịch vụ tư vấn theo tiến độ cụ thể của dự án;

- Trong quá trình thực hiện công trình, nếu có nhu cầu tư vấn về việc thay thế nhân sự thì nhân sự thay thế phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư;

- Nếu có bất kỳ nhân sự nào của tư vấn mà chủ đầu tư nhận thấy không đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ được giao thì tư vấn phải nhanh chóng thay thế các nhân sự khác có trình độ và kinh nghiệm mà chủ đầu tư chấp nhận được. Các chi phí liên quan đến vấn đề này do Tư vấn đảm nhiệm.

2. Yêu cầu những công việc cần phải phối hợp thực hiện.

- Toàn bộ các hoạt động Tư vấn do nhà thầu Tư vấn thực hiện phải được phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư theo phạm vi Hợp đồng dịch vụ được ký kết. Tư vấn phải đặt mình vào vị trí người thụ hưởng công trình để làm việc hết trách nhiệm;

- Phối hợp với các nhà thầu khác trong quá trình thực hiện dự án;

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp miễn phí cho Tư vấn tất cả các số liệu, thông tin và tài liệu nội bộ sẵn có liên quan đến dịch vụ tư vấn. Toàn bộ các tài liệu tham khảo mà Chủ đầu tư cho tư vấn mượn phải được tư vấn hoàn trả lại sau khi kết thúc nhiệm vụ hoặc sớm hơn khi cần thiết. Tư vấn có trách nhiệm giữ gìn tất cả các tài liệu mà Chủ đầu tư cho mượn.

- Việc tiếp xúc với các cơ quan ban ngành, chính quyền thành phố, phường xã và các tổ chức quần chúng với nội dung làm việc có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn sẽ được Chủ đầu tư bố trí miễn phí

- Chủ đầu tư cử cán bộ theo dõi phối hợp với tư vấn trong quá trình triển khai gói thầu.

- Chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan đến gói thầu cho nhà thầu, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.